

BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI

Môn: Ngữ văn 8; tổng số tiết: 18 (trong đó có: 14 tiết đọc, viết, nói và nghe + 4 tiết: ôn tập, kiểm tra giữa học kì I, trả bài kiểm tra giữa học kì I); (Từ tiết 25 ->42)

TUẦN 8

TIẾT PPCT: 29, 30

ĐỌC VĂN BẢN

TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

(Hồ Chí Minh)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh nắm được chủ đề, nội dung bao quát của văn bản, từ đó biết tự hào về truyền thống yêu nước của nhân dân ta qua các thời kì lịch sử, có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, với đất nước.

- Học sinh nhận biết được một số yếu tố cơ bản của văn bản nghị luận: luận đề, các luận điểm (được thể hiện ở các đoạn văn cụ thể), cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng để lập luận nhằm thuyết phục người đọc. Qua đọc văn bản, học sinh cũng học tập được những kĩ năng cơ bản trong việc viết văn bản nghị luận bàn về một vấn đề xã hội.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp. Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

- **Lòng ghép QP&AN:** Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến bài học: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế cho học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, chia sẻ trao đổi, gợi mở, nêu vấn đề.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Chiếu cho HS xem video tóm tắt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954 để trả lời các câu hỏi. https://youtu.be/xxxVXiZ0ZwI GV1: Sau khi xem xong video tóm tắt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954. Em hãy cho biết hành động yêu nước của nhân vật nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao? GV2: Trong cuộc sống hôm nay, con người có thể thể hiện tinh thần yêu nước bằng những cách nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS xem Video xong sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi và có thể gọi 2 -> 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS trả lời câu hỏi 1. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có) GV gọi 2 -> 3 HS trả lời câu hỏi 2. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV lắng nghe trả lời câu hỏi 1, 2 của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>→ Hành động yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm cho em ấn tượng nhất. Bởi Người đã ra đi tìm đường cứu nước suốt 30 năm, bôn ba ở nước ngoài, làm thêm đủ thứ việc để mưu sinh. Tại nước Nga, Người đã tiếp nhận được chủ nghĩa Mác vận dụng vào tình hình đất nước ta. Cộng thêm sự hỗ trợ của các nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam giúp đất nước Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập, xã hội chủ nghĩa.</p> <p>→ Một số cách như: Học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng đất nước phát triển; Tiếp thu văn hóa nước ngoài chọn lọc, trên cơ sở giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; Quảng bá hình ảnh đất nước đối với bạn bè quốc tế...</p> <p>Giới thiệu bài mới: Bằng những dẫn chứng cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục trong lịch sử dân tộc và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, văn bản <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i> đã làm sáng tỏ một chân lý: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta”. Tác phẩm <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i> như thế nào? Thầy (cô) cùng các em đi tìm hiểu bài học hôm nay nhé!</p>

- 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**
Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

- a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* của Hồ Chí Minh.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, cá nhân, nêu tình huống có vấn đề.
- c. Sản phẩm học tập:** Nội dung trả lời của học sinh để đánh giá hoạt động học tập tiếp thu bài học.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản có âm lượng đọc vừa phải, khi thì sôi nổi, hào hùng; lúc thì tha thiết, biểu cảm. GV đọc mẫu 1 lần. Sau đó HS đọc thành tiếng 2 lần văn bản. GV cho HS sử dụng chiến lược đọc: <i>Theo dõi xuyên suốt văn bản.</i> GV: Cho HS đọc những từ ngữ khó hiểu phần phụ chú dưới chân trang sách (trang 66): <i>kiêu bào; vùng tạm bị chiếm.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV đọc mẫu 1 lần văn bản, sau đó cho 2 HS đọc thành tiếng 2 lần văn bản, làm việc cá nhân, sử dụng chiến lược: <i>Theo dõi xuyên suốt văn bản.</i> GV cho HS đọc các từ ngữ khó hiểu trong văn bản dưới chân trang sách (trang 66)</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 HS đọc 2 lần văn bản. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét cách đọc văn bản của bạn (giọng đọc, âm lượng, biểu cảm cảm xúc...) GV gọi 1 HS đọc từ ngữ khó hiểu dưới chân trang sách.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chuẩn kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV gọi từ 1 -> 2 HS đọc phần giới thiệu về tác giả, tác phẩm (<i>SGK tr 67</i>) GV: Qua phần đọc của bạn. Em hãy nêu</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản</p> <p>1. Đọc văn bản</p> <p>→HS có kĩ năng đọc văn bản nghị luận →HS hiểu được các từ ngữ khó như các từ: <i>kiêu bào; vùng tạm bị chiếm</i></p> <p>2. Tác giả, tác phẩm</p>

<p>một vài nét chính về tác giả, tác phẩm Tinh thần yêu nước của nhân dân ta của <i>Hồ Chí Minh</i>.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, ưu tiên cho HS có tinh thần xung phong phát biểu ý kiến xây dựng bài. GV gọi mở, thuyết trình để giúp HS tóm tắt nội dung cơ bản về tác giả, tác phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV gọi 1 vài HS lên trả lời về tác giả, tác phẩm. GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (<i>HS có thể tự tìm ý cốt lõi ghi vào vở viết</i>)</p>	<p>→Tác giả: Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.</p> <p>- Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng và cầm bút, Hồ Chí Minh để lại một di sản văn học rất phong phú, gồm văn chính luận, truyện kí, thơ ca, ...</p> <p>- Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới.</p> <p>→Tác phẩm: Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay). Tên bài do người soạn sách đặt.</p>
--	--

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu

- Học sinh nắm được chủ đề, nội dung bao quát của văn bản, từ đó biết tự hào về truyền thống yêu nước của nhân dân ta qua các thời kì lịch sử, có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, với đất nước.

- Học sinh nhận biết được một số yếu tố cơ bản của văn bản nghị luận: luận đề, các luận điểm (được thể hiện ở các đoạn văn cụ thể), cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng để lập luận nhằm thuyết phục người đọc. Qua đọc văn bản, học sinh cũng học tập được những kĩ năng cơ bản trong việc viết văn bản nghị luận bàn về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, làm việc cá nhân, nêu tình huống có vấn đề, hợp tác.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập và Bảng kiểm đánh giá hoạt động học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản 1. Đọc hiểu hình thức</p>

biết Văn bản thuộc thể loại nào? Văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* hướng tới đối tượng nào?

GV2: Qua theo dõi phần đọc tiếp xúc văn bản, theo em văn bản có thể chia làm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân trả lời dạng câu hỏi ngắn, hỏi đáp (1-1), gợi mở, đàm thoại, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi 1, 2 ưu tiên cho HS với tinh thần xung phong phát biểu xây dựng bài.

GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (*HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân*)

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* viết về vấn đề gì? Câu văn nào ở phần 1 khái quát được nội dung vấn đề nghị luận trong bài?

GV2: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta là một trích đoạn của Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng lao động Việt Nam. Điều gì cho thấy phần trích này vẫn thể hiện đầy đủ các đặc điểm của một văn bản hoàn chỉnh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm, thời gian từ 3 -> 4 phút.

GV theo dõi thảo luận, bao quát lớp, hỗ trợ các nhóm, GV gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 3 HS đại diện nhóm 1, 3, 5 lên trình bày kết quả thảo luận.

→ Văn bản thuộc thể loại: Nghị luận xã hội.

- Đối tượng mà văn bản hướng tới là toàn thể nhân dân Việt Nam và những kiều bào ta ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc.

→ Bố cục có thể chia làm: 3 phần

- Phần 1: Từ đầu -> *lũ cướp nước* (Nhận định chung về lòng yêu nước).

- Phần 2: Tiếp -> *lòng nồng nàn yêu nước* (Chứng minh lòng yêu nước của nhân dân ta).

- Phần 3: Còn lại (Nhiệm vụ của mọi người).

2. Đọc hiểu nội dung

2.1. Nhận định chung về lòng yêu nước

→ Văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* viết về vấn đề: lòng yêu nước của nhân dân.

- Câu văn ở phần 1 khái quát được nội dung vấn đề nghị luận trong bài: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

→ Một văn bản nghị luận được xem là hoàn chỉnh phải có các đặc điểm:

GV gọi 3 HS đại diện nhóm 2, 4, 6 lên nhận xét, bổ sung nội dung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Bài nghị luận có mấy luận điểm? Nêu từng luận điểm và chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm, từ đó rút ra nội dung bao quát của văn bản.

(GV phát phiếu học tập số 1 cho HS)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo cặp đôi (ngồi cùng bàn), hoàn thành phiếu học tập, GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gọi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS lên trình bày kết quả thảo luận, ưu tiên cho những HS có tinh thần xung phong phát biểu xây dựng bài dựa trên kết quả thảo luận bằng phiếu học tập. Gọi 1 vài HS ít phát biểu trước lớp để

+ Có một luận đề (vấn đề được nêu để bàn luận ở VB nhằm thuyết phục người đọc).

+ Có phần Mở bài (giới thiệu vấn đề).

+ Có phần Thân bài (gồm các luận điểm, từng luận điểm có lí lẽ và bằng chứng).

+ Có phần Kết bài (nêu ý nghĩa của vấn đề và định hướng hành động).

- Các đặc điểm của phần trích:

+ Có một luận đề rõ ràng, được khái quát bằng nhan đề (Tinh thần yêu nước của nhân dân ta).

+ Mở bài: Khẳng định tinh thần yêu nước của nhân dân ta và sức mạnh vô song của tinh thần ấy.

+ Thân bài: Gồm một số luận điểm, mỗi luận điểm có lí lẽ và bằng chứng lấy từ lịch sử chống ngoại xâm, từ thực tế của cuộc kháng chiến đang diễn ra.

+ Kết bài: Khẳng định lại sự quý báu của truyền thống yêu nước và kêu gọi phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân trong công cuộc kháng chiến.

Như vậy, Tinh thần yêu nước của nhân dân ta đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của một văn bản nghị luận hoàn chỉnh.

2.2. Chứng minh lòng yêu nước của nhân dân ta

→ Văn bản có 3 luận điểm:

+ **Luận điểm 1.** Nêu vấn đề tinh thần yêu nước của nhân dân ta (từ đầu đến nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước).

+ **Luận điểm 2.** Truyền thống yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua lịch sử đấu tranh giữ nước xưa kia và qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày nay (từ Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại đến nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước).

được thể hiện bản thân.

GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung nội dung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. (*Sử dụng phiếu học tập để đánh giá hoạt động học của HS*)

GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (*HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân*)

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Căn cứ vào những bằng chứng khách quan nào mà tác giả khẳng định: “*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước*”? Vì sao lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta được tác giả xem là một “*truyền thống quý báu*”?

(*GV phát phiếu học tập số 2 cho HS*)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập, chia lớp làm 6 nhóm (Thời gian từ 4 -> 5 phút).

GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gọi mở, trao đổi, hợp tác.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV cho HS với tinh thần xung phong của các nhóm đại diện lên trình bày kết quả thảo luận.

GV gọi 1 vài HS đại diện của các nhóm khác lên nhận xét, nội dung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. (*Sử dụng phiếu học tập để đánh giá hoạt động học của HS*)

GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (*HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân*)

+ **Luận điểm 3.** Cần tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước quý báu của nhân dân (còn lại).

- Mối quan hệ giữa các luận điểm: luận điểm 1 có tính chất khái quát; luận điểm 2 làm sáng tỏ điều khẳng định ở luận điểm 1; luận điểm 3 nêu phương hướng hành động trên cơ sở rút ra nhận thức từ hai luận điểm trước đó.

- Nội dung bao quát của văn bản: Từng luận điểm nêu các khía cạnh cụ thể, ba luận điểm có quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng hướng tới nội dung bao trùm. Nội dung này được thể hiện ở nhan đề: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Đây cũng là luận đề của văn bản.

→ Căn cứ vào những bằng chứng khách quan:

- Đoạn 2 và 3 của văn bản dùng khá nhiều bằng chứng. Có bằng chứng trong sử sách nói về những cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, gắn với tên tuổi Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...; có bằng chứng lấy từ thực tế cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang diễn ra (văn bản này ra đời vào năm 1951), thể hiện ở đoạn văn từ Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước đến nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước. Với những bằng chứng khách quan và tiêu biểu như thế, tác giả hoàn toàn có cơ sở để khẳng định: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

- Lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân được xem là “truyền thống quý báu” bởi: thứ nhất, lòng yêu nước được người Việt Nam duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác suốt trường kì lịch sử; thứ hai, nhờ có lòng yêu nước của

Nhiệm vụ 5

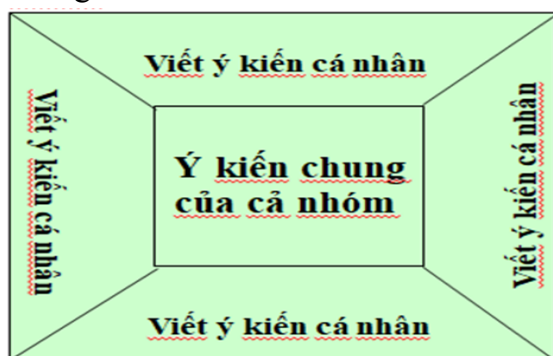
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Văn nghị luận của Hồ Chí Minh bao giờ cũng hướng tới người đọc đi từ nhận thức tới hành động. Qua văn bản này, tác giả muốn người đọc nhận thức được điều gì và có hành động như thế nào? Những nhận thức và hành động đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống cộng đồng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn. Chia lớp thành các nhóm học tập (mỗi nhóm từ 4 -> 6 HS), trao cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0 (tượng trưng cho khăn trải bàn) và bút dạ thảo luận trả lời câu hỏi, thời gian từ 5 -> 6 phút.

GV hỗ trợ các nhóm dùng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, giải quyết các tình huống.



Các bước thực hiện:

B1. Trưởng nhóm chia sẻ khăn trải bàn. Các thành viên có thể tự ghi ý kiến hoặc thư kí ghi chung.

B2. Từng thành viên nhóm trình bày. Trưởng nhóm thể hiện ý kiến của từng người vào khăn theo từng cạnh của khăn trải bàn.

B3. Sau 2->3 phút làm việc cá nhân,

nhân dân mà dân tộc Việt Nam mới giành và giữ được nền độc lập của mình; thứ ba, truyền thống yêu nước của nhân dân là nhân tố quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi (thực tế đã chứng minh điều đó); thứ tư, lòng yêu nước của nhân dân sẽ quyết định tương lai của đất nước.

2.3. Nhiệm vụ của mọi người

→Đoạn mở đầu khẳng định tinh thần yêu nước của nhân dân là một truyền thống quý báu, đồng thời nói rõ sức mạnh vô địch của tinh thần ấy; đoạn thứ hai nêu tinh thần yêu nước thể hiện ở lịch sử chống ngoại xâm, gắn với tên tuổi các vị anh hùng dân tộc; đoạn thứ ba chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân đang được nhân lên rộng khắp trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; đoạn cuối nhắc lại sự quý báu của tinh thần yêu nước và nêu những cách thức phát huy tinh thần đó trong cuộc sống hiện tại. Nắm được các nội dung cơ bản đó, có thể rút ra:

- Văn bản giúp người đọc hiểu được rằng, là con dân nước Việt, mình đang được thừa hưởng một nét đẹp truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác: tinh thần yêu nước.

nhóm trao đổi thông nhất ý kiến cả nhóm.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV cho các nhóm treo khăn trải bàn lên bảng hoặc xung quanh lớp học, sau đó các nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả.

GV gọi 1 vài HS ở các nhóm khác nhận xét, bổ sung nội dung của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết*).

Nhiệm vụ 6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV lồng ghép QP&AN: Qua tác phẩm *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* em có những suy nghĩ như thế nào để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học, thời gian 5 -> 6 phút. GV sử dụng phương pháp nêu vấn đề, phân tích, giải thích, hỏi đáp 1-1.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 3 HS đại diện các cặp đôi lên trả lời yêu cầu của câu hỏi.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)

Nhiệm vụ 7

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc, tìm hiểu văn bản ở trên. Em rút ra được nghệ thuật và nội dung gì cho văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*?

Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ

- Là văn bản ra đời gắn với một sự kiện cụ thể, tác giả đề nghị những người có chức trách phải “ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”.

- Tác giả văn bản cũng gửi gắm một thông điệp: từ việc nhận thức về truyền thống quý báu của dân tộc, mỗi người phải thể hiện tinh thần yêu nước bằng những việc làm cụ thể, tùy hoàn cảnh, điều kiện, vị thế của mình trong xã hội.

→ Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần phát huy tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong bảo vệ Tổ quốc vì những bài học của lịch sử và yêu cầu hiện tại. Đối với bài học lịch sử, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Sử ta dạy cho ta bài học lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”. Hiện nay, đất nước đang có được nhiều cơ hội để phát triển, song cũng phải đối diện với nhiều nguy cơ, thách thức, đặc biệt là sự chống phá của các thế lực thù địch. Do vậy, cần phát huy tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong bảo vệ Tổ quốc.

3. Tổng kết văn bản

3.1. Nghệ thuật

<p>GV cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi, làm việc cá nhân, sử dụng phương pháp thuyết trình tái hiện lại nội dung bài học, phác họa bằng sơ đồ tư duy đơn giản để nhớ lại nội dung và nghệ thuật của văn bản.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 vài HS trả lời nội dung câu hỏi. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận địnhGV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)</p>	<p>→ Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục. Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu. Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc. Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc.</p> <p>3.2. Nội dung: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Và nó cần phải được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để bảo vệ đất nước.</p>
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm/cá nhân: Lớp 8

Stt	Yêu cầu	Nội dung	Đánh giá		
			Đ	Đ	T
1	Bài nghị luận có mấy luận điểm?			
2	Nêu ra từng luận điểm và chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm			
3	Rút ra nội dung bao quát của văn bản.			

TỔNG CỘNG				
------------------	--	--	--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm/cá nhân: Lớp 8

Stt	Yêu cầu	Nội dung	Đánh giá		
			CD	Đ	T
1	Căn cứ vào những bằng chứng khách quan nào mà tác giả khẳng định: “ <i>Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước</i> ”?			
2	Vì sao lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta được tác giả xem là một “ <i>truyền thống quý báu</i> ”?			
TỔNG CỘNG					

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học trong văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* của Hồ Chí Minh.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề, làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả học tập để đánh giá hoạt động học của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	III. Luyện tập

<p>GV: Theo em, những yếu tố nào đã góp phần làm nên sức thuyết phục của bài nghị luận này? Vấn đề được bàn luận trong văn bản còn có ý nghĩa trong thời đại ngày nay nữa không? Vì sao?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi. GV tái hiện lại một số nét cơ bản của tác phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho HS xung phong trả lời câu hỏi để xây dựng bài. Gọi 1 vài HS ít phát biểu để cho các em có cơ hội thể hiện bản thân.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (<i>HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân</i>)</p>	<p>→Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sức thuyết phục của văn bản <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i> được tạo nên bởi một số yếu tố sau đây: + Văn bản hội tụ đầy đủ đặc điểm để được xem là văn bản nghị luận hoàn chỉnh, mẫu mực. + Câu văn trùng điệp, nhiều vế, có sự đối xứng, tạo nên âm hưởng mạnh mẽ, truyền cảm (từ... đến...; từ... đến...); nhiều hình ảnh giàu sức gợi (làn sóng, nhấn chìm, tử kính, bình pha lê, trong rương, trong hòm,...). - Vấn đề được bàn luận trong văn bản vẫn còn có ý nghĩa thời sự trong thời đại ngày nay, vì: <ul style="list-style-type: none"> + Việc xây dựng đất nước trong thời kì hoà bình, ước mơ một Việt Nam hùng cường luôn cần đến sự đóng góp của mọi người Việt Nam ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài. + Vấn đề giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc vẫn luôn là vấn đề nóng bỏng, rất cần ý thức cảnh giác, tinh thần sẵn sàng chiến đấu của mỗi người Việt Nam.
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng (*Nếu GV còn thời gian thực hiện ở trên lớp, hết thời gian giao bài về nhà viết đoạn văn*)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết kết nối với đọc, củng cố nội dung bài học.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, làm việc cá nhân.
- c. Sản phẩm học tập:** Nội dung viết đoạn văn kết nối với đọc để đánh giá hoạt động học của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em hãy viết đoạn văn (khoảng 7 -> 9 câu) trả lời cho câu hỏi: <i>Phải chăng lòng yêu nước của mỗi người chỉ cần thể hiện khi Tổ quốc bị xâm lăng?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn, thời gian từ 8 -> 9 phút để hoàn thành đoạn văn. GV đi bao quát lớp và theo dõi HS làm bài.</p>	<p>IV. Vận dụng Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung đoạn văn: GV hướng dẫn HS xác định nội dung cần có của đoạn văn bằng cách đưa ra các câu hỏi gợi ý: Vì sao khi Tổ quốc bị xâm lăng, lòng yêu nước của dân ta được khơi dậy mạnh mẽ? Trong hoàn cảnh hoà bình, xây dựng đất nước, lòng yêu nước của mỗi người có cần được phát huy nữa không? Vì sao? Lòng yêu nước biểu hiện

<p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 vài HS lên trình bày bài viết của bản thân. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung nội dung cần thiết cho bạn</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (<i>HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân</i>)</p>	<p>trong hoà bình có khác gì so với trong kháng chiến bảo vệ Tổ quốc? Từ những gợi ý này, HS suy nghĩ thêm, viết đoạn văn hoàn chỉnh để tự trả lời câu hỏi.</p> <p>- Về hình thức đoạn văn: GV nêu một số yêu cầu HS cần đáp ứng. Đoạn văn cần có Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn; có câu chủ đề đặt ở đầu (đoạn văn diễn dịch) hoặc ở cuối (đoạn văn quy nạp); các câu đúng ngữ pháp; đảm bảo số câu theo quy định</p>
---	---

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt** (SGK trang 68, 69)

TIẾT PPCT: 31

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT ĐOẠN VĂN SONG SONG VÀ ĐOẠN VĂN PHỐI HỢP

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh nắm được đặc điểm của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp; biết cách nhận diện hai kiểu đoạn văn đó trong văn bản; hiểu được tác dụng của từng kiểu tổ chức đoạn văn đối với việc thể hiện nội dung và lập luận.

- Học sinh biết cách viết đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp theo yêu cầu cụ thể.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Có tình yêu và niềm tự hào về ngôn ngữ tiếng Việt.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Máy tính, giấy A3, KHBD, phiếu bài tập, phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của HS: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 8 tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1. Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế tiếp nhận bài học mới để khắc sâu chủ đề của bài học.

b. Nội dung: Học sinh chia sẻ kiến thức, hiểu biết của mình về vấn đề GV đưa ra. GV sử dụng hương đàm thoại, vấn đáp.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, hợp lý, logic của HS qua các câu trả lời.

d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Theo em, ngoài cách trình bày đoạn văn nghị luận theo phương pháp quy nạp hoặc diễn dịch em còn biết đến phương pháp nào nữa?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, sử dụng phương pháp hỏi đáp (1-1), gợi mở, phân tích, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi từ 1 -> 3 HS trả lời câu hỏi. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, tuyên dương học sinh có câu trả lời phù hợp, thuyết phục.</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>→Ngoài cách trình bày đoạn văn nghị luận theo phương pháp quy nạp hoặc diễn dịch thì còn đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.</p> <p>Giới thiệu bài mới: Trong tiết học thực hành tiếng Việt trước đó chúng ta đã tìm hiểu về cách trình bày đoạn văn theo phương pháp diễn dịch và quy nạp, ngoài cách diễn đạt đó thì còn có thêm cách diễn đạt bằng phương pháp song song và phối hợp. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu khái niệm cũng như đặc điểm của cách trình bày đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp trong tiết học này nhé!</p>

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu

- Học sinh nắm được đặc điểm của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp; biết cách nhận diện hai kiểu đoạn văn đó trong văn bản; hiểu được tác dụng của từng kiểu tổ chức đoạn văn đối với việc thể hiện nội dung và lập luận.

- Học sinh biết cách viết đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp theo yêu cầu cụ thể.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại, gợi mở, dạy học hợp tác, trực quan, giải quyết tình huống có vấn đề.

c. Sản phẩm: Kết quả bài tập của học sinh; dùng phiếu giá trị thân hoạt động thảo luận nhóm để đánh giá hoạt động học của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
---------------------	------------------

Nhiệm vụ 1

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 1 SGK trang 68 và hướng dẫn cho HS giải bài tập 1 SGK.

Bt 1: Xác định kiểu đoạn văn của những trường hợp a, b. Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 1 SGK trang 68 và hướng dẫn cho HS giải bài tập 1 SGK.

GV chia lớp 6 nhóm, làm trên giấy khổ A3 Nhóm 1, 2, 3 Bt 1 (a), nhóm 4, 5, 6 Bt 1 (b). GV cho HS suy nghĩ, thảo luận thời gian từ 4 -> 5 phút. GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đi hỗ trợ cho HS các nhóm khi có yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 1, 2 lên bảng trình bày kết quả thảo luận Bt 1 (a).

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 3 nhận xét kết quả của nhóm 1, 2 (có thể bổ sung cho nhóm)

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 4, 5 lên bảng trình bày kết quả thảo luận Bt 1 (b).

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 6 nhận xét kết quả của nhóm 4, 5 (có thể bổ sung cho nhóm)

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chốt nội dung theo ý hiểu của bản thân ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 2 SGK trang 68, 69.

GV hướng dẫn cho HS giải bài tập 2 SGK.

Bt2: Đoạn văn sau được tổ chức theo kiểu nào? Chủ đề của đoạn văn là gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?

1. Thực hành tiếng việt

Bài tập 1 (SGK trang 68)

Lưu ý: Để giải quyết bài tập này, trước hết GV yêu cầu HS tìm câu chủ đề của từng đoạn văn. Nếu HS xác định được đoạn văn không có câu chủ đề, thì đó chính là đoạn song song; ngược lại, nếu xác định đoạn văn có câu chủ đề, cần tiếp tục suy nghĩ thêm: ngoài câu chủ đề ở đầu đoạn, còn có câu mang ý nghĩa khái quát được đặt ở cuối đoạn hay không. Nếu có, đó là đoạn văn phối hợp.

→ Tác dụng của 2 đoạn văn (a, b):

- Đoạn a chỉ có hai câu, mỗi câu đề cập đến một nội dung cụ thể, nhưng đều hướng tới một ý chung: các từ tượng hình học tập *Binh thư yếu lược*. Đây là **đoạn văn song song**. Kiểu tổ chức đoạn văn này đòi hỏi người đọc tự suy nghĩ, rút ra chủ đề ngầm ẩn thể hiện trong quan hệ về nội dung của các câu.

- Đoạn b có 5 câu. Câu đầu nêu chủ đề (*Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước*): mọi người Việt Nam đều có lòng yêu nước nồng nàn. Ba câu tiếp theo nêu hành động yêu nước của các đối tượng cụ thể. Câu cuối rút ra điểm chung của các đối tượng vừa nêu, khẳng định lại lần nữa tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân. Vậy, đây là **đoạn văn phối hợp**. Đoạn văn được tổ chức như thế này giúp người đọc dễ dàng nhận biết và nắm vững ý chính của đoạn.

Bài tập 2 (SGK trang 68, 69)

“Không gian yên tĩnh ... xao động tận đáy tâm hồn” (Hà Ánh Minh, *Ca Huế trên sông Hương*)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS đọc bài tập 2 SGK trang 68, 69.
GV cho HS thảo luận theo cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học (thời gian từ 3 -> 4 phút). **GV** bao quát lớp, hỗ trợ cho những cặp đôi cần sự trợ giúp, phương pháp gợi mở, phân tích, nêu vấn đề...

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện các cặp đôi lên báo cáo kết quả thảo luận bài tập 2.

GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc phần nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp (SGK tr 68, 69).

GV: Qua phần thực hành làm bài tập em hiểu thế nào là đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp? Nêu đặc điểm và chức năng của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho 1 -> 2 HS đọc phần nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp (SGK tr 68, 69).
GV cho HS làm việc theo cặp đôi, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời khái niệm: Đoạn văn song song, đoạn văn phối hợp và nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu đoạn

→Đoạn văn được tổ chức theo kiểu sau:

- Đoạn văn có 3 câu. Câu 1 nói về tên các khúc nhạc mở đầu đêm ca Huế. Câu 2 đề cập đến các ngón nghề (kĩ xảo chơi đàn) của nhạc công. Câu 3 nói về âm vang, sự lay động của tiếng đàn đối với người nghe.
- Như vậy, đây là đoạn văn song song vì không có câu chủ đề, nhưng dựa vào nội dung của các câu, có thể khái quát chủ đề của đoạn: cách mở đầu đêm ca Huế trên sông Hương.

2. Đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

2.1. Đoạn văn song song

→**Khái niệm:** Đoạn văn song song là đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.

Ví dụ: SGK tr 68, 69

2.2. Đoạn văn phối hợp

→**Khái niệm:** Đoạn văn phối hợp là đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.

Ví dụ: SGK tr 68, 69

văn song song và đoạn văn phối hợp.
GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

2.3. Đặc điểm, chức năng đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp

- Đoạn văn song song tuy không có câu chủ đề, nhưng nội dung của cả đoạn vẫn thống nhất. Kiểu đoạn văn song song rất phù hợp với việc trình bày các thông tin khách quan, không hàm chứa sự đánh giá chủ quan của người viết. Kết luận thế nào là do người đọc tự suy nghĩ và rút ra.

- Đoạn văn phối hợp có cấu trúc rất chặt theo kiểu tổng hợp – phân tích – tổng hợp. Câu đầu và câu cuối đoạn đều là câu chủ đề. Kiểu đoạn văn này rất phù hợp với việc khẳng định chắc chắn điều mà người viết cho là chân lí.

3. Hoạt động 3. Luyện tập và vận dụng

a. Mục tiêu: Viết được đoạn văn có sử dụng một đoạn văn song song và một đoạn văn phối hợp.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân. Phương pháp gợi mở, thuyết trình.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm luyện tập, vận dụng của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn cho HS giải bài tập 3 SGK trang 69.</p> <p>Bt3: Hãy viết một đoạn văn song song và một đoạn văn phối hợp (mỗi đoạn khoảng 7 → 9 câu) theo chủ đề tự chọn.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn trong đó có: một đoạn văn song song và một đoạn văn phối hợp. Thời gian từ 8 → 9 phút. GV bao quát lớp, theo dõi HS viết đoạn văn.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 → 2 HS lên trình bày bài viết cá nhân. Gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại</p>	<p>3. Luyện tập, vận dụng Bài tập 3 (SGK trang 69) Lưu ý: Để HS có thể viết được hai đoạn văn theo yêu cầu, GV cần hướng dẫn các em tiến hành theo từng bước.</p> <p>→Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đề tài (mỗi đoạn nên chọn một đề tài để viết). Ví dụ: tình bạn, tình thầy trò, ý nghĩa của việc đọc sách, tôn trọng người khác, trách nhiệm với cộng đồng, ý thức bảo vệ môi trường,... - Bám vào đặc điểm của từng kiểu đoạn văn

kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng.	để viết (xem lại các ví dụ trong SGK để rèn luyện theo mẫu). - Đọc lại đoạn văn vừa viết, đối chiếu với yêu cầu của bài tập để chỉnh sửa.
---	--

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Nam quốc sơn hà** (*Sông núi nước Nam*)

TIẾT PPCT: 32
ĐỌC VĂN BẢN

NAM QUỐC SƠN HÀ
(Sông núi nước Nam)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Chủ đề của bài 3 là Lời sông núi. Vì vậy, cùng với việc hình thành năng lực nghị luận cho học sinh, giáo viên cần giúp học sinh nâng cao tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Biết yêu quê hương, bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương, đất nước để sống có trách nhiệm xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

- **Lồng ghép QP&AN:** Giới thiệu một số mốc quốc giới.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có liên quan đến văn bản *Nam quốc sơn hà*. phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; Giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế cho học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề, gợi mở, hỏi đáp.

c. Sản phẩm: Nội dung bài học để đánh giá hoạt động của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Chiếu cho HS xem video ca nhạc với ca khúc: Hào khí Việt Nam nhạc và lời của <i>Vũ Quốc Thắng</i>. https://youtu.be/11NzfonGXXK4 GV: Sau khi xem xong video ca nhạc với ca khúc: Hào khí Việt Nam nhạc và lời của <i>Vũ Quốc Thắng</i>. Em hãy cho biết bài hát thể hiện tinh thần nào của nhân dân ta?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS xem Video xong sau đó gọi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi và có thể gọi 2 -> 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS trả lời câu hỏi 1. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV lắng nghe trả lời câu hỏi của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>→HS chia sẻ nội dung bài hát thể hiện tinh thần hào khí của nhân dân ta trong những ngày đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc.</p> <p>Giới thiệu vào bài mới: Mỗi người dân Việt Nam chắc hẳn sẽ đều biết đến bài thơ <i>Nam quốc sơn hà</i>. Nam quốc sơn hà được coi là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của Việt Nam, khẳng định chủ quyền của nhà cầm quyền Đại Việt trên các vùng đất của mình. Bài thơ <i>Nam quốc sơn hà</i> chính là lời khẳng định chủ quyền của đất nước và thể hiện quyết tâm bảo vệ chủ quyền, độc lập của dân tộc, bài thơ vẫn giữ nguyên giá trị đến ngày nay. Tiết học hôm nay, thầy/cô trò ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu bài học nhé!</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

- a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản, nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm *Nam quốc sơn hà*.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, làm việc cá nhân.
- c. **Sản phẩm học tập:** Nội dung bài học đánh giá hoạt động của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đọc mẫu diễn cảm bài thơ 1 lần sau đó cho 2 HS đọc thành tiếng bài thơ Nam quốc sơn hà. (Yêu cầu HS học thuộc lòng bài thơ)</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản 1. Đọc văn bản</p>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn đọc diễn cảm bài thơ, cho HS đọc văn bản, cá nhân theo dõi và đọc thầm văn bản.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV đọc diễn cảm thành tiếng 1 lần.

GV gọi 1 -> 2 HS đọc diễn cảm thành tiếng bài thơ.

GV gọi 1 vài HS khác nhận xét cách đọc diễn cảm của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức

Nhiệm vụ 2**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV cho HS đọc thông tin về tác giả, tác phẩm (SGK Tr 70)

GV: Qua phần đọc thông tin về tác giả, tác phẩm. Em hãy nêu một vài nét cơ bản về tác giả, tác phẩm *Nam quốc sơn hà*.

GV: Cho HS tìm hiểu thông tin những từ ngữ khó ở dưới chân trang phụ chú SGK tr 70

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp, gợi mở, thuyết trình.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1->2 HS đọc thông tin về tác giả, tác phẩm (SGK tr 70 – phụ chú tr 70)

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự rút ý cốt lõi để ghi vào

2. Tác giả, tác phẩm

→Tác giả: Bài thơ hiện chưa rõ tác giả. Nhiều tài liệu cho là của Lý Thường Kiệt (1019-1105). Có những ghi chép khác nhau về sự xuất hiện của bài thơ.

- Theo sách *Lĩnh Nam chích quái*, bài thơ được một vị thần ngâm đọc khiến cho quân Tống hoảng sợ, giúp vua Lê Đại Hành đánh bại quân xâm lược năm 981.

→Tác phẩm: Bài thơ vốn không có nhan đề. Tên gọi *Nam quốc sơn hà* là do những người biên soạn cuốn sách *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2 (NXB Văn học, Hà Nội, 1976) đặt, lấy từ bốn chữ đầu tiên của bài thơ.

→Phụ chú: *nước Nam; phận; sách trời; Trương tướng quân; ...*

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Chủ đề của bài 3 là Lời sông núi. Vì vậy, cùng với việc hình thành năng lực nghị luận cho học sinh, giáo viên cần giúp học sinh nâng cao tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, hợp tác, cá nhân, hỏi đáp, thuyết trình, gợi mở.

c. Sản phẩm học tập: Sử dụng phiếu học tập để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Qua phần đọc em hãy cho biết bài thơ thuộc thể thơ nào? Phương thức biểu đạt chính là gì? Bố cục bài thơ gồm mấy phần? Nêu nội dung chính của mỗi phần là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề để HS tìm hiểu thể thơ và bố cục của bài thơ. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng. (HS có thể tự rút ý cốt lõi để ghi vào vở viết)</p> <p>Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Bài thơ được coi là bản “<i>tuyên ngôn độc lập</i>” đầu tiên của đất nước ta. Em hiểu thể nào là bản “<i>tuyên ngôn độc lập</i>” ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp, gợi mở, phân tích. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi. GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản 1. Đọc hiểu hình thức</p> <p>→ Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt, với 4 câu mỗi câu có 7 chữ. Các câu 1, 2 và 4 hoặc chỉ có câu 2 và 4 là hiệp vần với nhau ở chữ cuối.</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm → Bố cục: Có thể chia làm 2 phần + Phần 1: Gồm 2 câu thơ đầu (Khẳng định chủ quyền lãnh thổ của dân tộc) + Phần 2: Gồm 2 câu thơ còn lại (Ý chí quyết tâm chống lại sự xâm phạm của kẻ thù)</p> <p>2. Đọc hiểu nội dung 2.1. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ của dân tộc</p> <p>→ Bản tuyên ngôn độc lập là: Lời tuyên bố về chủ quyền của đất nước, của dân</p>

lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng. (HS có thể tự rút ý cốt lõi để ghi vào vở viết)

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Từ “cư” trong nguyên tác có thể dịch là “ngự” (cai quản), cũng có thể dịch là “ở” (cư trú). Theo em, cách dịch nào thể hiện được rõ tinh thần của một bản “*tuyên ngôn độc lập*” hơn? Hãy lí giải ý kiến của em.

GV2: Để khẳng định chủ quyền của đất nước ta, tác giả đã sử dụng những lí lẽ nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm để thực hiện 2 câu hỏi, nhóm 1, 3, 5 câu hỏi 1; nhóm 2, 4, 6 câu hỏi 2, thời gian 4 -> 5 phút.

GV gọi mở, phân tích cho HS hoàn thành nội dung câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 HS đại diện nhóm 1, 3 lên trình bày kết quả thảo luận câu hỏi 1.

GV gọi 1 vài HS của nhóm 5 lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

GV gọi 2 HS đại diện nhóm 2, 4 lên trình bày kết quả thảo luận câu hỏi 2.

GV gọi 1 vài HS của nhóm 6 lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng. (HS có thể tự rút ý cốt lõi để ghi vào vở viết)

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Theo em, câu thơ cuối cảnh báo điều gì đối với quân xâm lược? Do đâu em khẳng định như vậy?

GV2: Câu thơ nào trong bài thơ để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

tộc, và khẳng định không một thế lực nào được phép xâm phạm vào quyền độc lập ấy.

Lưu ý: Câu hỏi 1 có liên quan đến một bản dịch thơ đã quen thuộc với nhiều thế hệ người Việt Nam. GV cho HS phát biểu quan điểm, lưu ý HS so sánh để thấy được cách dịch nào phù hợp với mục đích khẳng định chủ quyền hơn (ngự (cai quản), hay ở (cư trú)).

→ Cách dịch ngự (cai quản) thể hiện được rõ tinh thần của một bản “*tuyên ngôn độc lập*” hơn và phù hợp với mục đích khẳng định chủ quyền của dân tộc hơn.

→ Để khẳng định chủ quyền của đất nước ta, tác giả đã sử dụng những lí lẽ:

- Hai câu đầu: Khẳng định chủ quyền (quyền cai quản, điều hành) trên phần lãnh thổ của đất nước.

- Hai câu sau: Khẳng định tinh thần quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước quân xâm lược.

2.2. Ý chí quyết tâm chống lại sự xâm phạm của kẻ thù

GV cho HS thảo luận, trao đổi cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn để hoàn thành câu hỏi 1, 2. Thời gian từ 4 -> 5 phút.

GV quan sát học sinh làm việc cặp đôi, gọi mở giúp đỡ học sinh để giải quyết tốt nội dung yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các cặp đôi để báo cáo nội dung câu hỏi 1, 2.

GV gọi 1 vài HS ở những cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV sử dụng phiếu học tập để đánh giá. GV ghi nội dung chính lên bảng. (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân vào vở viết)

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV lồng ghép QP&AN: Tác phẩm *Nam quốc sơn hà* là bản “*tuyên ngôn độc lập*” đầu tiên của dân tộc khẳng định chủ quyền đất nước. Chính vì thế em đã từng đi đến hoặc biết đến một số mốc quốc giới bao giờ chưa? Hãy kể lại cho các bạn cùng nghe.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận theo cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học, thời gian 5 -> 6 phút. GV sử dụng phương pháp nêu vấn đề, phân tích, giải thích, hỏi đáp 1-1.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 3 HS đại diện các cặp đôi lên trả lời yêu cầu của câu hỏi.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)

Nhiệm vụ 6

→ Câu thơ cuối cảnh báo:

- Đó là quân giặc sẽ phải chính mắt chứng kiến việc thất bại tan tành do bọn chúng tự gây ra, rồi tự chuốc lấy (chứ không phải quân ta sẽ đánh chúng như thế nào như lời của bản dịch thơ).

- Lí do: Đó là lời răn trong câu thơ cuối còn có giá trị giáo dục mỗi người dân ý thức kiên quyết bảo vệ chủ quyền của đất nước, không cho phép bất cứ kẻ thù nào xâm phạm.

→ Gọi ý trả lời câu hỏi 2

Đây là câu hỏi mở. GV yêu cầu HS tự chọn câu thơ mà bản thân ấn tượng nhất. Sau khi yêu cầu một số HS trình bày, GV có thể phối hợp cùng các HS khác trong lớp góp ý, hoàn thiện câu trả lời, khai thác những giá trị của chi tiết mà HS chưa làm rõ được, củng cố kiến thức bài học.

- GV có thể chiếu một số hình ảnh về mốc quốc giới cho HS hiểu biết thêm về đường biên giới quốc gia hiện nay.

3. Tổng kết văn bản

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Qua phần đọc, tìm hiểu văn bản ở trên. Em rút ra được nghệ thuật và nội dung gì cho văn bản Nam quốc sơn hà?</p> <p>Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi, làm việc cá nhân, sử dụng phương pháp thuyết trình tái hiện lại nội dung bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 vài HS trả lời nội dung câu hỏi. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)</p>	<p>3.1. Nghệ thuật</p> <p>→Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt súc tích, cô đọng cảm xúc. Lời thơ đanh thép, hào hùng, đồng dục. Cảm xúc dồn nén trong từng câu chữ.</p> <p>3.2. Nội dung: Bài thơ là bản “<i>tuyên ngôn độc lập</i>” đầu tiên của dân tộc khẳng định chủ quyền đất nước. Sự khẳng định tuyệt đối cùng quyết tâm bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ trước những kẻ xâm lăng, cảnh báo bất cứ kẻ nào dám xâm phạm vào chủ quyền đều phải chuốc lấy thất bại.</p>
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học. Tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ Đường luật.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, cá nhân, gợi mở.
- c. **Sản phẩm học tập:** Sử dụng phiếu học tập để đánh giá kết quả học tập của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV Em rút ra được nhận thức gì cho bản thân sau khi học bài thơ này?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học để suy nghĩ trả lời câu hỏi yêu cầu, thời gian từ 2 -> 3 phút. GV hỗ trợ cho HS khi cần sự trợ giúp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi từ 1 -> 2 HS bất kì lên trình bày yêu cầu của câu hỏi. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cơ bản lên bảng (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân)</p>	<p>III. Luyện tập, vận dụng</p> <p>- Gợi ý: Đây là câu hỏi mở. GV có thể cho HS làm việc cá nhân chia sẻ kết quả trao đổi với bạn ngồi cùng bàn học, từ đó giúp HS nâng cao tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.</p>

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài bài kiểm tra và chuẩn bị bài: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN

Đào Văn Dũng

Nguyễn Thị Chúc